

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10726/NHCS-QLN

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2021

V/v triển khai thực hiện đối chiếu,
phân loại nợ của khách hàng năm 2021

Kính gửi:

- Sở giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và văn bản số 4363/NHCS-QLN ngày 30/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện Quy chế phân loại nợ tại NHCSXH. Để công tác đối chiếu, phân loại nợ phản ánh đúng thực tế, khách quan, đánh giá đúng thực trạng chất lượng tín dụng chính sách và tiếp tục giúp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã là thành viên Ban đại diện Hội đồng Quản trị (HĐQT) nắm được thực trạng nợ đã cho vay đồng thời đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại địa bàn cấp xã trong thời gian tới. Tổng Giám đốc NHCSXH chỉ đạo công tác đối chiếu, phân loại nợ năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thời gian và phạm vi thực hiện việc đối chiếu, phân loại nợ

- Thời gian: Thực hiện đối chiếu, phân loại nợ từ ngày 01/01/2022, kết thúc chậm nhất ngày 31/5/2022.

- Phạm vi: Đối chiếu, phân loại 100% dư nợ gốc và nợ lãi đến thời điểm cuối ngày 31/12/2021. Các khoản dư nợ phát sinh sau ngày 31/12/2021 sẽ được đối chiếu, phân loại vào đợt tiếp theo.

2. Cách thức triển khai thực hiện

a) Tại chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh:

- Báo cáo và tham mưu cho Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh có văn bản chỉ đạo Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện về việc đối chiếu, phân loại nợ, đồng thời giao cho Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) là thành viên Ban đại diện HĐQT cấp huyện làm Trưởng ban chỉ đạo đối chiếu, phân loại nợ tại xã.

- Phân công Ban lãnh đạo phụ trách các Phòng giao dịch (PGD) cấp huyện để hỗ trợ, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đối chiếu, phân loại nợ đảm bảo đúng quy định và tiến độ theo yêu cầu.

- Tăng cường cán bộ cấp tỉnh về hỗ trợ các PGD để tham gia đối chiếu, phân loại nợ tại các đơn vị có dư nợ lớn, nợ quá hạn cao, các địa bàn dễ phát sinh tiêu cực.

b) Tại NHCSXH nơi cho vay:

- Báo cáo Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện chỉ đạo việc triển khai thực hiện đối chiếu, phân loại nợ và tham mưu Trưởng Ban đại diện có văn bản giao trách nhiệm cho Chủ tịch UBND cấp xã là thành viên BDD HĐQT cấp huyện làm Trưởng ban chỉ đạo đối chiếu, phân loại nợ tại xã.

- Để đảm bảo việc đối chiếu, phân loại nợ phản ánh đúng thực tế, khách quan và được giám sát chặt chẽ, việc đối chiếu, phân loại nợ được tổ chức theo hình thức cuốn chiếu theo xã hoặc nhóm xã. Đối với đơn vị có dưới 15 xã tổ chức đối chiếu, phân loại nợ cuốn chiếu theo từng xã; đơn vị có từ 15 xã đến 30 xã đối chiếu, phân loại nợ cuốn chiếu tối đa 02 xã một lượt; đơn vị có trên 30 xã đối chiếu, phân loại nợ cuốn chiếu tối đa 03 xã một lượt.

- Tại các xã thực hiện đối chiếu lần 1 mà chưa kết thúc thì tiếp tục bố trí thời gian đối chiếu, phân loại nợ vào lần tiếp theo hoặc đối chiếu trực tiếp đến địa chỉ của khách hàng, đảm bảo thực hiện đối chiếu, phân loại nợ đến 100% khách hàng.

- Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tham gia đối chiếu, phân loại nợ tại xã, không thực hiện phân công cán bộ tín dụng tham gia đối chiếu, phân loại nợ trực tiếp với khách hàng tại địa bàn được phân công theo dõi.

- Căn cứ kế hoạch của toàn đơn vị, cán bộ tín dụng (CBTD) theo dõi địa bàn lập kế hoạch tổ chức thực hiện chi tiết đến từng Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), thời gian, địa điểm, thành phần tham gia đối chiếu, phân loại nợ phù hợp với địa bàn được giao và được Giám đốc PGD cấp huyện phê duyệt.

c) Triển khai thực hiện tại xã:

Căn cứ kế hoạch đã được Giám đốc PGD NHCSXH phê duyệt, CBTD theo dõi địa bàn báo cáo và tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã:

- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đối chiếu, phân loại nợ gồm các thành phần: Chủ tịch UBND cấp xã là thành viên BDD HĐQT cấp huyện làm Trưởng ban; Đại diện Ban giám nghèo; các Hội đoàn thể nhận ủy thác; Trưởng Công an cấp xã; CBTD theo dõi địa bàn làm thư ký.

- Phê duyệt kế hoạch đối chiếu phân loại nợ tại xã chi tiết đến từng thôn, Tổ TK&VV.

- Thông báo Danh sách phân công thành viên tham gia Tổ đối chiếu, phân loại nợ đến từng Tổ TK&VV gồm các thành phần: cán bộ NHCSXH được phân công, Tổ trưởng Tổ TK&VV (hoặc chủ dự án), đại diện Hội đoàn thể nhận ủy thác, trưởng thôn. Trường hợp trên địa bàn có khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú thì thành phần mời thêm công an viên.

- Thông báo đến các hộ vay vốn việc đối chiếu, phân loại nợ về thời gian, địa điểm và các giấy tờ như: Sổ vay vốn, Hợp đồng tín dụng hoặc các giấy tờ nhận nợ có liên quan, phiếu giao dịch, biên lai thu lãi kỳ gần nhất và các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

3. Xử lý các trường hợp phát sinh trong quá trình đối chiếu, phân loại nợ

a) Việc xác nhận biên bản đối chiếu, phân loại nợ

- Trường hợp sinh viên mồ côi đang trong thời gian theo học vay vốn chương trình cho vay học sinh sinh viên (HSSV) có xác nhận của đại diện phòng Quản lý HSSV; đối với sinh viên mồ côi đã ra trường và chưa gia nhập Tổ TK&VV thì có xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi sinh viên làm việc hoặc trường thôn nơi sinh viên đang cư trú.

- Đối với các dự án, dự án nhóm hộ vay vốn chương trình cho vay Giải quyết việc làm của Liên đoàn lao động, Hội người mù, Liên minh Hợp tác xã và Bộ quốc phòng; tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia đối chiếu nợ có đại diện chủ dự án, lãnh đạo UBND xã nơi thực hiện dự án và có xác nhận của cơ quan chủ quản dự án.

- Các trường hợp cả hộ vay không có mặt nơi cư trú phải có xác nhận của công an viên vào biên bản 01/BBPL để làm căn cứ tiếp tục xác minh theo văn bản số 4421/NHCS-QLN ngày 31/12/2014 của Tổng Giám đốc “về việc rà soát, xử lý nợ của hộ vay vốn bỏ đi khỏi nơi cư trú”.

- Trường hợp hộ vay đi khỏi nơi cư trú đã được xác minh theo văn bản số 4421/NHCS-QLN ngày 31/12/2014; HSSV mồ côi bỏ học; thôi học đã có thông báo của nhà trường đến NHCSXH nơi cho vay theo văn bản số 1852/NHCS-TDSV ngày 17/6/2015 của Tổng Giám đốc “về việc Sửa đổi nghiệp vụ cho vay HSSV mồ côi theo văn bản số 2162A/NHCS-TD” thì không phải lập biên bản.

b) Các trường hợp phát sinh trong quá trình đối chiếu, phân loại

- Trường hợp khoản vay đã tất toán sau ngày 31/12/2021: Cán bộ tham gia đối chiếu ghi rõ “đã tất toán” tại cột chữ ký của khách hàng trên mẫu 01/PL và phân loại khách hàng có khả năng trả nợ.

- Trường hợp khoản vay đã trả nợ một phần thì chỉ đối chiếu và đánh giá khả năng trả nợ phần dư nợ còn lại của khách hàng, trên biểu 01/PL ghi tổng số tiền còn dư nợ đến 31/12/2021.

- Trường hợp khách hàng là hộ độc thân (không có người ủy quyền) vay vốn chương trình xuất khẩu lao động hiện đang thực hiện hợp đồng lao động tại nước ngoài thì tại cột chữ ký khách hàng trên mẫu 01/PL ghi: “Hộ độc thân”.

- Trường hợp món vay không có người nhận nợ: Tổ Đối chiếu phân loại nợ lập biên bản mẫu số 01/BBPL ghi nhận lại sự việc, thông tin thực tế của khách hàng để xác định nguyên nhân cụ thể, có các giải pháp xử lý kịp thời.

- Món vay chênh lệch là món vay có số dư nợ tại thời điểm 31/12/2021 của khách hàng cao hơn hoặc thấp hơn số dư tại ngân hàng khi cán bộ NHCSXH thực hiện đối chiếu trực tiếp với khách hàng có sự tham gia chứng kiến của thành viên Tổ đối chiếu, phân loại nợ. Do vậy, đối với những món vay mà khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú; học sinh sinh viên mồ côi không có thông tin địa chỉ cụ thể; người vay đi tù; người vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (không có người ủy quyền); món vay không có người nhận nợ; chết; mất tích... thì không ghi nhận vào món vay có chênh lệch.

- Trường hợp phát sinh chênh lệch gốc, lãi do người vay không nhận nợ, không nhận nợ một phần: Tổ đối chiếu, phân loại nợ lập biên bản (mẫu số 01/BBPL) ghi nhận sự việc, phản ánh ý kiến của người không nhận nợ hoặc thực trạng của món vay không có người nhận nợ, xác định các thông tin về món vay, thu thập chứng cứ liên quan (nếu có) để xác định nguyên nhân cụ thể làm cơ sở để tiếp tục xác minh, xử lý.

- Trường hợp phát sinh chênh lệch gốc, lãi do cách tính toán của người vay và ngân hàng không thống nhất hoặc có sự nhầm lẫn: Cán bộ ngân hàng kiểm tra, xác minh lại số liệu, trao đổi, giải thích với người vay để người vay thống nhất và ký xác nhận dư nợ trên mẫu số 01/PL.

- Trường hợp phát sinh chênh lệch lãi do hộ vay đã nộp lãi cho Tổ trưởng Tổ TK&VV nhưng tổ trưởng chưa nộp ngân hàng: Tổ đối chiếu, phân loại nợ xác minh rõ sự việc, kiểm tra các giấy tờ liên quan, lập biên bản (mẫu số 01/BBPL) và yêu cầu Tổ trưởng nộp ngay số lãi đã thu cho ngân hàng.

- Các trường hợp chênh lệch khác: Tổ đối chiếu, phân loại nợ lập biên bản (mẫu số 01/BBPL) cho từng trường hợp, phản ánh rõ sự việc, xác minh chính xác nguyên nhân chênh lệch, thống nhất với hộ vay phương án xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đề nghị xác minh và giải quyết.

- Trường hợp cả hộ gia đình không có mặt nơi cư trú; HSSV mồ côi đang trong thời gian theo học nhưng thôi học, bỏ học thì Tổ đối chiếu lập biên bản (mẫu số 01/BBPL) ghi nhận sự việc, đồng thời đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, nếu chưa có cơ sở đánh giá khả năng trả nợ thì Tổ đối chiếu, phân loại nợ tiếp tục xác minh, thu thập thông tin để phân tích nguyên nhân, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

- Sau khi đối chiếu dư nợ với khách hàng, Tổ đối chiếu, phân loại nợ thực hiện phân loại nợ của khách hàng, (khách hàng không được tham gia vào quá trình phân loại nợ).

- Việc phân loại nợ phải đúng với thực tế của hộ vay để có các giải pháp xử lý phù hợp. Trong đó, hộ vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan phải được phân loại chính xác; hạn chế phân loại nợ vào nhóm **“nguyên nhân khác”**.

Trường hợp phân loại khách hàng không có khả năng trả nợ vào nhóm nguyên nhân khác phải ghi rõ nguyên nhân cụ thể.

4. Nhập kết quả đối chiếu, phân loại nợ vào phần mềm thông tin báo cáo

- Căn cứ kết quả đối chiếu, phân loại nợ tại địa bàn xã, các đơn vị nhập kết quả đối chiếu, phân loại nợ theo quy trình hướng dẫn tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo văn bản số 67/CNTT-PM ngày 18/3/2016 của Trung tâm Công nghệ thông tin.

- Dữ liệu đối chiếu, phân loại nợ được Trung tâm Công nghệ thông tin đồng bộ về chi nhánh từ ngày 01/01/2022 - 10/01/2022.

- Sau các lần đối chiếu, phân loại nợ NHCSXH nơi cho vay thực hiện nhập và duyệt gửi dữ liệu về Hội sở chính mà không đợi đến cuối đợt. Nếu có phát sinh sai sót cần bổ sung, chỉnh sửa số liệu thì đơn vị phải có văn bản nêu rõ nội dung, nguyên nhân gửi về Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro. Tuyệt đối không tự ý điều chỉnh dữ liệu khi đã gửi dữ liệu về Hội sở chính.

- Đối với nợ khoanh chỉ thực hiện đối chiếu, phân loại khả năng trả nợ của khách hàng, không phân tích nguyên nhân không có khả năng trả nợ trên biểu số 01/PL. Trường hợp khách hàng có khả năng trả nợ thì ghi số tiền khách hàng còn nợ ngân hàng tại thời điểm 31/12/2021 vào cột số 9 “có khả năng trả nợ”; Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ thì nhập số “0” vào cột số 9 trên biểu số 01/PL.

5. Xử lý kết quả đối chiếu, phân loại nợ

Căn cứ kết quả rà soát đối chiếu nợ, phân loại nợ tại địa bàn xã, Chủ tịch UBND cấp xã cùng Giám đốc NHCSXH nơi cho vay tổ chức tổng kết, đánh giá thực trạng nợ trên địa bàn và chỉ đạo thực hiện ngay các nội dung sau:

- Đối với các khoản nợ có khả năng thu hồi tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ gốc (gồm cả nợ theo phân kỳ) và lãi theo quy định.

- Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đủ điều kiện xử lý rủi ro thì thực hiện xử lý nợ rủi ro theo quy định hiện hành.

- Trường hợp người vay có khả năng trả nợ nhưng chây ì, cố tình không trả: Chỉ đạo Tổ đôn đốc thu hồi nợ tại xã vận động, yêu cầu trả nợ, nếu người vay tiếp tục chây ì không trả nợ thì lập hồ sơ khởi kiện ra tòa.

- Các trường hợp cố chệnh lệch nợ vay NHCSXH qua đối chiếu tại xã mà chưa xác định được nguyên nhân và trách nhiệm về khoản vay có chệnh lệch: chỉ đạo các bộ phận chức năng điều tra, xác minh để có giải pháp thu hồi nợ.

6. Các mẫu biểu số 01/PL, 03/PL, 06/PL, 10/PLN ban hành văn bản này thay thế các mẫu biểu số 01/PL, 03/PL, 06/PL, 10/PLN tại văn bản số 4363/NHCS-QLN ngày 30/12/2015. Các nội dung không đề cập tại văn bản này

được thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 4363/NHCS-QLN ngày 30/12/2015 của Tổng Giám đốc.

7. Thời gian gửi báo cáo

NHCSXH nơi cho vay gửi NHCSXH tỉnh báo cáo theo mẫu số 05/PL, 06PL, 07/PL, 09/PL, 10/PL chậm nhất ngày 30/6/2022, NHCSXH tỉnh tổng hợp gửi Hội sở chính chậm nhất ngày 15/7/2022.

8. Tổ chức thực hiện

- Việc đối chiếu, phân loại nợ là nhiệm vụ trọng tâm những tháng đầu năm 2022, Giám đốc chi nhánh cấp tỉnh và Giám đốc NHCSXH nơi cho vay chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả đối chiếu, phân loại nợ trước Tổng Giám đốc NHCSXH.

- Giám đốc NHCSXH nơi cho vay thường xuyên cập nhật các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Ban chỉ đạo phòng chống Covid-19 và chỉ đạo của chính quyền địa phương về phòng chống dịch để chủ động xây dựng, điều chỉnh kế hoạch đối chiếu, phân loại nợ thích ứng an toàn, linh hoạt phù hợp với thực tế trên địa bàn. Trong quá trình đối chiếu, phân loại nợ phải tuân thủ nghiêm các quy định, chỉ đạo về phòng chống dịch Covid-19 và có biện pháp bảo đảm an toàn phòng dịch cho khách hàng và cán bộ NHCSXH.

- Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện sửa đổi, bổ sung chương trình Đối chiếu, phân loại nợ theo hướng dẫn tại văn bản này, hướng dẫn hỗ trợ các đơn vị trong quá trình thực hiện báo cáo.

Nhận được văn bản này, yêu cầu Giám đốc Sở giao dịch, chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Hội sở chính (qua Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro) để tổng hợp báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- Trung tâm Đào tạo;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, QLN.



Bùi Quang Vinh

Ý kiến của đ/c cuongtd_cn35 gửi lúc 09:28 - 22/11/2021

Chuyển BGD CN;

Các phòng CMNV, PGD NHCSXH huyện, thị xã triển khai thực hiện.

Giao tP KHTD tham mưu, triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định

Xã:.....; Thôn:.....
 Tổ chức Hội:.....
 Tổ TK&VV (Dự án):Mã Tổ (Dự án):.....

DANH SÁCH PHÂN LOẠI NỢ THEO KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG

Thời điểm:/...../.....

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Họ và tên khách hàng	Mã món vay	Chương trình	Số dư tại NHCSXH				Có khả năng trả nợ	Không có khả năng trả nợ								Ghi chú	Chữ ký khách hàng
				Nợ gốc			Nợ lãi		Khoản nợ đủ điều kiện XLNRR theo quy định	Hộ bỏ đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR	Khoản nợ tham ô, chiếm dụng chưa đủ điều kiện XLNRR	Người vay đi tù	Sản xuất kinh doanh thua lỗ	Khoản vay không có người nhận nợ	Khách hàng không nhận nợ	Các nguyên nhân khác		
				Trong hạn	Quá hạn	Khoanh												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Văn A		HN	1.000			10	1.000										
			HSSV		2.000		20	2.000										
	<i>Cộng</i>			1.000	2.000		30											
2	Nguyễn Văn B		GQVL			5.000		5.000										
3	Nguyễn Văn C		HN			7.000		0										
4	Nguyễn Thị D		XKLĐ				1.500								1.500			
5	Hoàng Thị E		HN	5.000					5.000								1	
6	Đặng Văn F				3.000					3.000							12	
.....																	
.....																	
Tổng Cộng																		

CÁC THÀNH PHẦN KHÁC
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC HỘI CẤP XÃ
(CƠ QUAN CHỦ QUẢN DỰ ÁN)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ TRƯỞNG TỔ TK&VV
(CHỦ DỰ ÁN)
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày.....tháng.....năm ...

CÁN BỘ NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đối với các món vay trực tiếp in Danh sách theo từng xã và thành phần ký chỉ gồm khách hàng và Ngân hàng, dự án nhóm hộ vay vốn in danh sách theo từng dự án.
- Các món nợ khoanh không có khả năng trả nợ ghi số tiền 0 nghìn đồng vào cột số 9.
- Từ cột 9 đến cột 17 ghi theo số dư nợ gốc của món vay, đối với những món vay chỉ còn nợ lãi thì ghi theo số nợ lãi.
- Tại cột 18 (Ghi chú):
 - + Trường hợp món vay thuộc nhóm nguyên nhân đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro (cột 10) thì phải nhập mã nguyên nhân rủi ro theo Phần I Phụ lục đính kèm mẫu 01/PL
 - + Trường hợp món vay thuộc nhóm nguyên nhân Hộ đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện xử lý (cột 11) thì phải nhập mã nguyên nhân theo Phần II Phụ lục đính kèm mẫu 01/PL
 - + Trường hợp khoản vay đã tất toán sau ngày 31/12/2021: ghi “đã tất toán”

Phụ lục
MÃ NHÓM NGUYÊN NHÂN KÈM THEO MẪU 01/PL

I. Mã nguyên nhân các khoản nợ đủ điều kiện xử lý nợ bị rủi ro

1: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, cụ thể:

Các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi và cây trồng xảy ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản của dự án hoặc phương án vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

2: Nhà nước thay đổi chính sách, cụ thể:

Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3: Lao động nước ngoài bị rủi ro, cụ thể:

Biến động chính trị, kinh tế - xã hội, dịch bệnh ở nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; doanh nghiệp tiếp nhận lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động do người lao động không đủ sức khỏe để làm việc hoặc không đảm bảo tay nghề hoặc do các nguyên nhân khách quan khác mà không do lỗi của người lao động dẫn đến việc người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.

4: Hộ gia đình bị rủi ro, cụ thể:

Khách hàng vay vốn là cá nhân hoặc có thành viên khác trong hộ gia đình (là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung tại thời điểm khách hàng đề nghị xử lý rủi ro):

a) Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích;

b) Bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế.

5: Bỏ đi khỏi nơi cư trú, cụ thể:

Tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

6: Khoản nợ chưa có điều kiện thi hành án, cụ thể:

Các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.

7: Khoản nợ tham ô, chiếm dụng, cụ thể:

Các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích và không còn tài sản để trả nợ;

8: Khách hàng bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

9: Khoản vay hết thời gian khoan nợ, cụ thể:

Khoản vay hết thời gian khoan nợ chưa có hoặc không có khả năng trả nợ

10: Rủi ro không làm hồ sơ kịp thời, cụ thể:

Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan trước thời điểm năm 2014 không thực hiện xử lý rủi ro kịp thời.

11: Nợ nhận bàn giao không thu hồi được, cụ thể:

Các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước đã được Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thể thu hồi được.

II. Mã nguyên nhân hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro

12: Hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú có thông tin địa chỉ cụ thể.

13: Hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú có thông tin địa chỉ không cụ thể.

14: Hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú không có thông tin địa chỉ. *th*

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng			Trong đó						
		Số món	Gốc	Lãi	Trong hạn			Quá hạn			
					Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	14	
1	Tổ Nguyễn Văn A										
2	Tổ Nguyễn Văn B										
...										
III	Hội cựu chiến binh										
...										
IV	Đoàn thanh niên										
...										
B	CHO VAY TRỰC TIẾP										
I	Khoản nợ đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro										
I.1	Dự án nhóm hộ										
2	Dự án Nguyễn Văn C										
...										
I.2	Cho vay trực tiếp										
1	Nguyễn Văn H										
...										
II	Hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR										
I.1	Dự án nhóm hộ										
1	Dự án Nguyễn Văn C										
...										
I.2	Cho vay trực tiếp										
1	Nguyễn Văn D										
...										
	Tổng cộng										

HỘI NÔNG DÂN
(Ký, đóng dấu)

HỘI PHỤ NỮ
(Ký, đóng dấu)

HỘI CỰU CHIẾN BINH
(Ký, đóng dấu)

ĐOÀN THANH NIÊN
(Ký, đóng dấu)

UBND XÃ
(Ký, đóng dấu)

....., ngày....tháng....năm
ĐẠI DIỆN NHCSXH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN KHÁCH HÀNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ

Thời điểm:...../...../.....

Tổ chức Hội nhận ủy thác:.....

Đơn vị: món, nghìn đồng

STT	Chi tiêu	Tổng cộng			Trong đó						
		Số món	Gốc	Lãi	Trong hạn			Quá hạn			
					Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Khoản nợ đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro										
1	Xã A										
2	Xã B										
...										
...										
II	Hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR										
...										
	Tổng cộng										

...,ngày.....tháng.....năm ...

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Tại NHCSXH nơi cho vay báo cáo được tổng hợp chi tiết đến từng xã, lập thành 03 liên: 01 liên lưu NHCSXH nơi cho vay, 01 liên gửi Tổ chức Hội nhận ủy thác cấp huyện, 01 liên gửi chi nhánh NHCSXH tỉnh.

- Tại chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp báo cáo chi tiết đến NHCSXH nơi cho vay, lập 02 liên: 01 liên lưu NHCSXH tỉnh, 01 liên gửi Tổ chức Hội nhận ủy thác cấp tỉnh.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN KHÁCH HÀNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ

Đến thời điểm:/...../.....

Đơn vị: món, nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số món	Tổng dư nợ		Trong đó					
			Gốc	Lãi	Trong hạn			Quá hạn		
					Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3=(6+12)	4=(7+13)	5=(8+14)	6	7	8	12	13	14
I	Khoản nợ đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro									
1	Cho vay Hộ nghèo									
2	Cho vay HSSV									
...									
...									
II	Hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR									
1	Cho vay Hộ nghèo									
2	Cho vay HSSV									
...									
...									
III	Các khoản tham ô, chiếm dụng chưa đủ điều kiện xử lý									
1	Cho vay Hộ nghèo									
2	Cho vay HSSV									
...									
...									
	Tổng cộng									

....., ngày..... tháng..... năm

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Báo cáo được tổng hợp thực hiện tại 3 cấp (huyện, tỉnh, TW)